

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 27/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26/10/2018

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hùng;

Bà Phan Thị Bé Sáu.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trần Minh Châu- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Vào ngày 26/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 298/2018/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2018, về việc tranh chấp “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp U, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh Trần Thanh T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp V, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/9/2018; biên bản hòa giải ngày 15/10/2018 và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Trần Thanh T tự tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2006, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc và có sinh được 01 đứa con chung tên Trần Thị Kim Q, sinh ngày 27/3/2007. Đến năm 2017, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do anh T không chung thủy, không

quan tâm đến vợ con nên chị và anh T đã ly thân từ tháng 10/2017 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chị và anh T không thể hàn gắn lại với nhau.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thanh T.

- Về con chung: Có một con chung tên Trần Thị Kim Q, sinh ngày 27/3/2007 hiện nay đang sống với anh T, khi ly hôn chị đồng ý giao con chung cho anh T nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Tại tờ tường trình ngày 27/9/2018; biên bản hòa giải ngày 15/10/2018 anh Trần Thanh T trình bày: Thừa nhận anh với chị Nguyễn Thị L tự tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2006, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có một con chung tên Trần Thị Kim Q, sinh ngày 27/3/2007, về sau trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, do chị L không chung thủy, có quan hệ tình cảm bên ngoài, thường xảy ra bất đồng quan điểm, dẫn đến cãi nhau nên anh và chị L đã ly thân từ tháng 10/2017 cho đến nay.

Nay chị L yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị L.

- Về con chung: Có một con chung tên Trần Thị Kim Q, sinh ngày 27/3/2007 hiện nay đang sống với anh, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L với anh Trần Thanh T là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, nhưng anh, chị không có đăng ký kết hôn theo luật định nên đã vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

Do đó nghĩ nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L với anh Trần Thanh T là phù hợp với Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị L và anh T có sinh được 01 đứa con chung tên Trần Thị Kim Q, sinh ngày 27/3/2007, hiện nay đang sống với anh T. Tại phiên tòa, chị L thống nhất tiếp tục giao con chung cho anh T nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản hòa giải ngày 15/10/2018, anh T cũng có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: từ khi chị L và anh T ly thân cho đến nay, con chung của chị L với anh T do anh T nuôi dưỡng, trong quá trình nuôi dưỡng, anh T vẫn đảm bảo cho cháu Kim Q có cuộc sống ổn định, phát triển tốt. Mặc khác, tại bản khai ngày 15/10/2018 cháu Kim Q cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với anh T, nghĩ nên tiếp tục giao cháu Kim Q cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị L không cấp dưỡng nuôi con chung, do anh T không yêu cầu.

Chị L được quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa chị L và anh T đều trình bày anh, chị không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1/ Về hôn nhân:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L với anh Trần Thanh T.

2/ Về con chung:

Tiếp tục giao con chung của chị Nguyễn Thị L với anh Trần Thanh T tên Trần Thị Kim Q, sinh ngày 27/3/2007, cho anh Trần Thanh T nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị L không cấp dưỡng nuôi con, do anh T không yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị L được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3/ Về án phí:

Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001680 ngày 27/9/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Báo cho nguyên đơn biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Hoàng Vũ